

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ MÔN: NGỮ VĂN 10

Năm học 2020-2021

Chủ đề		Mức độ				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phần I. Đọc hiểu	01 đoạn trích:	- Nhận biết nội dung - Chỉ ra phong cách ngôn ngữ được dùng trong đoạn trích	- Lí giải/suy luận một thông tin chính/ nổi bật được nêu trong văn bản.	Từ văn bản, nêu suy nghĩ về một vấn đề thực tiễn hoặc rút ra bài học, thông điệp		
	Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 1,0 10%	1 1,0 10%	1 1,0 10%		4 3,0 30%
Phần II. Làm văn						
	<i>Nghị luận văn học</i> - Viết bài văn				Viết bài văn nghị luận văn học (về tác phẩm thơ trung đại Việt Nam trong chương trình Ngữ văn 10, tập 1	
	Số câu Số điểm Tỉ lệ				1 7,0 70%	
Tổng chung	Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 1,0 10%	1 1,0 10%	1 1,0 10%	1 7,0 70%	5 10,0 100%

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ MÔN: NGỮ VĂN 10

Năm học 2020-2021

ĐỀ I:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: (0,5 đ) Đoạn trích trên đã sử dụng những phương thức biểu đạt: Nghị luận, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2: (0,5đ) Theo tác giả, mẹ thiên nhiên đang cảnh báo loài người: *cảnh báo loài người, vì lòng tham lam con người đã tàn phá dữ dội môi trường, đã thái không biết bao khí độc vào bầu khí quyển, và cũng để trừng phạt thói ăn uống man rợ của con người...*

Câu 3: (1,0 đ) Biện pháp tu từ trong câu văn sau:

- Biện pháp nhân hóa (nếu học sinh nhắc tới biện pháp nói quá vẫn có thể cho điểm)

- Tác dụng:

+ Nhân mạnh, làm nổi bật hình ảnh thiên nhiên.

+ Thiên nhiên đang giận dữ vì con người đã tàn phá, hủy hoại môi trường sống của chính mình.

+ Thiên nhiên đang trừng phạt, trả thù con người bằng một dịch bệnh quái ác để con người phải suy ngẫm về hành động của mình.

+ Giúp cho câu văn thêm sức gợi hình, gợi cảm...

Câu 4: (1,0 đ)

Học sinh có thể rút ra thông điệp:

- Chúng ta đang tự hủy diệt chính mình bằng những hành động phá hoại môi trường sống.

- Con người phải dừng ngay các hành động phá hoại thiên nhiên.

- Chung tay chống lại dịch bệnh nguy hiểm.

- Con người nợ thiên nhiên lời xin lỗi và hãy nhanh chóng cải tạo môi trường tự nhiên...

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Học sinh có thể có nhiều cảm nhận khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo các nội dung sau:

I. Mở bài: (0,5 điểm)

Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm.

II. Thân bài: (6,0 điểm)

*** Nội dung:** (4,0điểm)

- *Xuất xứ bài thơ:* Bài thơ *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi là bài số 43 trong chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* của *Quốc âm thi tập*, là một bức tranh thiên nhiên, bức tranh cuộc sống tươi đẹp và tấm lòng yêu nước thương dân của tác giả.

- *Phong thái của tác giả:* Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn:

+ “Rồi”: Là một từ cổ có nghĩa là rảnh rỗi, nhàn hạ

+ “Ngày trường”: Ngày dài, chỉ khoảng thời gian rảnh rỗi.

+ Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái

-> Tâm thế an nhàn, thanh thoi của tác giả. Nguyễn Trãi một đời bận rộn, tận tâm vì đất nước, đây là những giây phút hiếm hoi của cuộc đời.

– *Bức tranh thiên nhiên cảnh ngày hè*

+ Cây hòe có sức sống mãnh liệt giờ tán là xanh che phủ cả khoảng không gian

+ Sắc đỏ của cây thạch lựu tô đậm thêm cho khung cảnh ngày hè

+ Hương hoa sen tỏa ngát bay theo làn gió

+ Một loạt các từ láy, động từ được sử dụng để diễn tả sức sống.

-> Cảnh vật ngày hè tươi tắn, tràn đầy sức sống. Qua đó ta thấy được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của của Nguyễn Trãi

– *Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người*

+ Nguyễn Trãi dùng nhiều từ Hán Việt như ngư phủ, cầm ve, tịch dương kết hợp nhuần nhuyễn với những từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa mộc mạc, bình dị, vừa trang trọng tao nhã.

+ Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh: Âm thanh từ làng chợ cá, của tiếng ve râm ran mỗi độ hè về

+ Nhà thơ sử dụng hai từ láy tượng thanh “lao xao” – âm thanh của những phiên chợ cá, “dắng dỏi” – diễn tả âm thanh của tiếng ve, kết hợp với nghệ thuật đảo cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh những âm thanh bao trùm làng quê.

– Nhà thơ đã cảm nhận cái tinh tế, thú vị của ngày hè qua thị giác và thính giác:

+ Nhà thơ nhìn những tán lá xanh cây hòe, màu đỏ rực của thạch lựu, tiếng ve kêu rân cả khoảng không gian và hình ảnh người dân làng chài mỗi sớm thức dậy và bóng người kéo lưới buổi chiều tà.

+ Ngày hè cảm nhận qua thính giác khi nhà thơ thấy được hương sen thoảng theo gió

-> Cuộc sống sôi động, ồn ào, tràn đầy sức sống và âm thanh. Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống. Từ đó, chúng ta thấy được tâm hồn lạc quan, yêu đời, tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, tha thiết với cuộc sống quê nhà của nhà thơ Nguyễn Trãi.

– *Tình yêu nước, thương dân của Nguyễn Trãi:*

+ “Dẽ” là từ cổ nghĩa là lẽ, lẽ ra, ước có.

+ “Ngu cầm” là cây đàn của vua Nghiêu vua Thuấn. Đây là điển cố quen thuộc của Trung Hoa kể về thời đại Nghiêu Thuấn – những ông vua nhân từ đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Hằng ngày vua Nghiêu Thuấn thường đem đàn ra gảy khúc nam phong ngợi ca cảnh thái bình trên xứ sở này.

-> Thể hiện ước muốn có được cây đàn để ca ngợi khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống vui tươi trên quê hương ông, niềm vui sướng, hạnh phúc của tác giả khi được sống hòa hợp cùng thôn quê.

+ Câu thơ cuối cùng thể hiện rõ ràng, cụ thể ước mơ được thấy cảnh thanh bình, ấm no trên đất nước.

=> Nguyễn Trãi dù sống trong cảnh thanh nhàn nhưng vẫn nặng lòng với dân với nước.

*Nghệ thuật: (2,0đ)

+ Giọng điệu trữ tình, sâu lắng, bút pháp tả sinh động

+ Thể thơ sáng tạo thất ngôn xen lục ngôn

+ Ngôn ngữ thơ phong phú, đa dạng vừa có lớp từ Hán Việt vừa có lớp từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa trang trọng vừa bình dị

+ Sử dụng các điển tích, điển cố

+ Sử dụng: Từ láy, động từ...

III. Kết bài(0,5 điểm)

Khái quát, đánh giá về chung về bài thơ.

Lưu ý: HS phải đạt được cả yêu cầu về nội dung và hình thức diễn đạt thì mới cho điểm tối đa; Nếu học sinh có cách viết sáng tạo, ý tưởng độc đáo, có thể thưởng: 0,5 điểm

ĐỀ II

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: (0,5 đ) Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích trên: phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Câu 2: (0,5 đ) Theo bài viết, người mẹ bị ám ảnh bởi: *Đêm qua, hình ảnh những người dân miền Trung gồng mình chống lũ.*

Câu 3:(1,0 đ)

- Biện pháp tu từ được sử dụng: Phép điệp- điệp từ (nếu học sinh nhắc tới phép liệt kê vẫn có thể cho điểm).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh, làm nổi bật cuộc sống khó khăn, thiếu thốn của người dân miền Trung sau bão lũ.

+ Đặc biệt, tác giả thể hiện niềm đồng cảm với các em học sinh không thể đến trường học được vì rất nhiều lí do do hậu quả của bão lũ gây ra.

+ Gọi âm hưởng và nhịp điệu xót xa, thương cảm...

Câu 4: (1,0 đ)

Học sinh có thể rút ra thông điệp:

- Biết yêu và quý trọng cuộc sống hiện tại, hài lòng với những gì mình có.

- Phải biết sẻ chia, cảm thông, giúp đỡ với đồng bào vùng bão lũ.

- Cần phải có biện pháp khắc phục để giảm thiểu thiên tai, lũ lụt.

- Nhắc nhở chúng ta đừng quá cầu thị và chỉ biết sống hưởng thụ...

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

I. Mở bài (0,5 điểm)

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Bình Khiêm và bài thơ.

II. Thân bài (6,0điểm)

Học sinh có thể có nhiều cảm nhận khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo các nội dung sau:

*** Nội dung: (4,0 đ)**

-Giới thiệu bài thơ *Nhàn* (xuất sứ, hoàn cảnh sáng tác,): là bài thơ Nôm số 73 trong tập *Bạch vân quốc ngữ thi*, làm khi tác giả cáo quan về ở ẩn, nói về cuộc sống thanh nhàn nơi thôn dã và triết lí sống của tác giả.

- Giải thích nhan đề bài thơ.

1. Hai câu đề: Cuộc sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm.

- *Mai, quốc, cần câu*: Là những dụng cụ lao động cần thiết, quen thuộc của người nông dân.

- Phép liệt kê kết hợp với số từ “một”: Gợi hình ảnh người nông dân đang điem lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng.

- Nhịp thơ 2-2-3 thông thả đều đặn.

→ Cuộc sống ở quê nhà của Nguyễn Bình Khiêm gắn bó với công việc của một lão canh điền. Nhưng tác giả rất yêu và tự hào về thú vui điền viên ấy.

- Trạng thái “tho thả”:nhàn hạ, thư thái,chăm chú vào công việc mình thích.

→ Tâm trạng hài lòng, vui vẻ cùng trạng thái ung dung, tự tại của nhà thơ.

- Cụm từ phủ định “dầu ai vui thú nào”: Phủ nhận những thú vui mà người đời thường hay theo đuổi.

⇒ Hai câu thơ khái quát hoàn cảnh sống của Nguyễn Bình Khiêm ở quê nhà dù lam lũ nhưng tâm hồn lúc nào cũng thư thái, thanh thản.Tâm thế ung dung, tự tại, triết lí sống nhàn của ẩn sĩ “nhàn tâm”.

2. Hai câu thực: Quan niệm về lẽ khôn- dại của Nguyễn Bình Khiêm

- Nghệ thuật đối: *ta – người, dại – khôn*: Nhấn mạnh quan niệm sống mang tính triết lí, thâm trầm của nhà thơ.

- Nghệ thuật ẩn dụ:

+ “Nơi vắng vẻ”: Tượng trưng cho chốn yên tĩnh, thưa người,nhịp sống yên bình, êm ả. Ở đây ngụ ý chỉ chốn quê nhà

+ “Chốn lao xao”: Tượng trưng cho chốn ồn ào, đông đúc huyên náo, tấp nập, cuộc sống xô bồ, bon chen, giành giật, đố kỵ. Ở đây chỉ chốn quan trường.

- Cách nói ngược: *Ta dại – người khôn*:

+ Ban đầu có vẻ hợp lí vì ở chốn quan trường mới đem lại cho con người tiền tài danh vọng, còn ở thôn dã cuộc sống vất vả, cực khổ.

+ Tuy nhiên, dại thực chất là khôn bởi ở nơi quê mùa con người mới được sống an nhiên, thanh thản. Khôn thực chất là dại bởi chốn quan trường con người không được sống là chính mình.

⇒ Thể hiện quan niệm sống “lánh đục về trong” của Nguyễn Bình Khiêm. Thái độ tự tin vào sự lựa chọn của bản thân và hóm hỉnh mỉa mai quan niệm sống bon chen của thiên hạ.

3. Hai câu luận: Cuộc sống sinh hoạt thuận theo tự nhiên của Nguyễn Bình Khiêm ở chốn quê nhà.

- Sự xuất hiện của bốn mùa: *Xuân, hạ, thu, đông.*

- Cuộc sống gắn bó, hài hòa với tự nhiên của Nguyễn Bình Khiêm

- Việc ăn uống đạm bạc, thanh cao: *Thu ăn măng trúc, đông ăn giá.*

- Là những món ăn thôn quê dân già, giản dị thanh đạm và có nguồn gốc tự nhiên, tự cung tự cấp.

- Chuyện sinh hoạt thuận theo tự nhiên: *Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao*

- Thói quen sinh hoạt tự nhiên, thoải mái, có sự giao hòa, quần quýt giữa con người với thiên nhiên.

- Cách ngắt nhịp 4/3 nhịp nhàng, kết hợp với cách điệp cấu trúc câu.

- Cách ngắt nhịp 4/3 nhịp nhàng, kết hợp với cách điệp cấu trúc câu.

⇒ Gợi sự tuần hoàn, nhịp nhàng thư thái, thông thả. Hai câu thơ miêu tả bức tranh bốn mùa có cả cảnh đẹp, cả cảnh sinh hoạt của con người. Sự hài lòng về cuộc sống đạm bạc, giản dị, hòa hợp với tự thiên mà vẫn thanh cao, tự do thoải mái của Nguyễn Bình Khiêm.

4. Hai câu kết: Triết lí sống nhàn vượt lên trên danh lợi, phú quý.

- Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe: Coi phú quý tựa như một giấc chiêm bao

→ Thể hiện sự tự thức tỉnh, tự cảnh tỉnh mình và đời, khuyên mọi người nên xem nhẹ vinh hoa phù phiếm.

- Động từ “nhìn xem”: Tô đậm thể đứng cao hơn người đầy tự tin của Nguyễn Bình Khiêm

⇒ Triết lí sống Nhàn: Biết từ bỏ những thứ vinh hoa phù phiếm vì đó chỉ là một giấc mộng, khi con người nhắm mắt xuôi tay mọi thứ trở nên vô nghĩa, chỉ có tâm hồn, nhân cách mới tồn tại mãi mãi. Thể hiện vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm: Coi khinh danh lợi, cốt cách thanh cao, tâm hồn trong sáng.

* Nghệ thuật (2,0 đ)

- Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, dễ cảm.

- Cách kể, tả tự nhiên, gần gũi.

- Các biện pháp tu từ: Liệt kê, đối lập, điệp, điển tích điển cố.

- Nhịp thơ chậm, nhẹ nhàng, hóm hỉnh...

III. Kết bài (0,5 điểm) Khái quát, đánh giá về chung về bài thơ.

Lưu ý: HS phải đạt được cả yêu cầu về nội dung và hình thức diễn đạt thì mới cho điểm tối đa; Nếu học sinh có cách viết sáng tạo, ý tưởng độc đáo, có thể thưởng: 0,5 điểm